

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2018.

“Vợ Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Ngạn và bà Trần Thị Khanh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hà – Thư ký

Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa: Bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở, Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 170/2018/ST-HNGĐ ngày 09/7/2018 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987.

ĐKHKT: thôn T, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD.

Nơi cư trú: thôn 3, xã MĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1991.

HKT và nơi cư trú: thôn T, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: thôn T, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào năm 2015 tại UBND xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống tại CĐ. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính tình, bất đồng trong cách sống và cách làm ăn kinh tế dẫn đến

thường xuyên cãi nhau, thậm chí anh còn sử dụng bạo lực gia đình đối với chị. Mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng từ đầu năm 2018, anh Đ thường xuyên đi chơi qua đêm, không thông báo cho chị biết. Sau khi tìm hiểu chị mới biết anh chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần. Bản thân chị cũng như gia đình đã khuyên bảo nhiều lần và cùng anh gánh vác nợ với mong muốn anh suy nghĩ lại vì gia đình mà thay đổi nhưng anh vẫn giữ lối sống cũ. Chị nói anh nhiều thì anh chửi và đánh đuổi chị ra khỏi nhà, cuộc sống gia đình mệt mỏi làm cho tình cảm của chị giành cho anh ngày càng ít. Chính vì vậy, tháng 01/2018 chị xin phép bố mẹ anh cho chị chuyển đến chỗ làm ở để tiện cho việc đi lại, anh chị cũng sống ly thân từ đó. Trong suốt khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân, anh chưa lần nào chủ động liên lạc với chị. Khi làm đơn xin ly hôn anh, chị có gọi điện thông báo thì quan điểm của anh là nhất trí ly hôn vì thực tế anh chị không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh để mỗi người ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Anh chị không có con chung. Về tài sản chung, về nợ, về công sức đóng góp với gia đình hai bên: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Phạm Văn Đ đều không đến tham gia tố tụng tại Tòa. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lấy lời khai của những người thân trong gia đình anh Phạm Văn Đ (Bà Vũ Thị T – mẹ đẻ anh Đ) đều khẳng định: Anh Phạm Văn Đ, tại thời điểm này anh Đ vẫn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T, xã CD, huyện CG, tỉnh HD. Anh Đ đang đi làm xa, công việc của anh là lao động tự do nay đây mai đó, không cố định một địa chỉ. Tuy nhiên anh thường xuyên về nhà và liên lạc điện thoại cho bà. Tòa án gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và giấy triệu tập anh Đ tham gia tố tụng tại Tòa, bà T đã thông báo cho anh. Anh Đ đã biết sự việc chị N làm đơn xin ly hôn anh. Quan điểm của anh như sau: Về quan hệ vợ chồng: Anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn với chị N; về con chung: Anh chị không có con chung; về tài sản chung, nợ và công sức: Không có. Anh xác định, Tòa án có triệu tập anh cũng không đến nên Tòa án cứ giải quyết vụ án theo yêu cầu của chị N, anh xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc do Tòa án tổ chức.

Bà T cho biết: Chị N và anh Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống ở CD. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân do không hòa hợp về tính tình, lối sống khác nhau, anh Đ cũng có chơi bời dẫn đến nợ nần, không quan tâm được nhiều đến cuộc sống của chị N. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Khi còn sống chung anh chị thỉnh thoảng lại đánh cãi nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân được gần một năm, chị N cũng không qua lại gia đình bà nhưng bà hiểu được nỗi khổ tâm của chị. Chị cũng sống hết lòng vì gia đình nhưng anh Đ không biết trân trọng dẫn đến cuộc sống vợ chồng nặng nề, mệt mỏi. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và làm đơn xin ly hôn anh Đ, bà đại diện cho gia đình có quan điểm: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh Đ. Về phần con chung: Anh chị không có con chung.

Quan điểm của chính quyền địa phương: Anh Phạm Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD. Anh Đ hiện vẫn đang sinh sống tại địa chỉ trên. Anh chị N Đức kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã CĐ vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Thời gian gần đây chính quyền địa phương không thấy chị N sinh sống tại gia đình anh Đ. Nay được biết chị N làm đơn xin ly hôn anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật làm sao đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng qui định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: 1. *Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Phạm Văn Đ. 2. *Về con chung*: Anh chị không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Phạm Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã CD, huyện CG, tỉnh HD. Chị N có đơn khởi kiện anh Đ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ như triệu tập hợp lệ anh Đ, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của BLTTDS nhưng anh Đ đều vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp của anh Đ được xác định là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ

[2]. Về nội dung vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã CD vào năm 2015. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Anh chị sống ly thân gần một năm, hiện nay mỗi người có một cuộc sống riêng không ai quan tâm đến cuộc sống của ai và không có biện pháp gì để tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc. Tòa án tổ chức hòa giải nhưng anh Đ đều vắng mặt, điều đó khẳng định anh cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Lời trình bày về mâu thuẫn vợ chồng của chị N phù hợp với lời trình bày của bà T và đại diện chính quyền địa phương. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau...HĐXX xét thấy, anh chị không thực hiện được các nghĩa vụ nêu trên. Mặt khác, Chị N xin ly hôn anh Đ, quan điểm của anh Đ thông qua bà T là nhất trí ly hôn. Điều đó chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Phạm Văn Đ là phù hợp với qui định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Quan hệ con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung, về nợ và công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Anh chị không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị xác định không có nên không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0002177 ngày 09/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Thông báo cho chị N biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Giàng
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã CD, Cẩm Giàng.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Đào

